

Số: /TB-KSBT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026.

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 3) thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 3)

Kính gửi:

- Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Liệu TW2;
- Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội;
- Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed;
- Công ty TNHH AMV Pharmaceutical;
- Công Ty Cổ Phần Biovaccine Việt Nam;
- Công Ty Cổ Phần WINBIO.

Căn cứ Quyết định số 2203/QĐ-KSBT ngày 9/9/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 3) thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 3);

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng thông báo đến các nhà thầu các nội dung như sau:

I. Thông tin về gói thầu

- Số E-TBMT: IB2600341762
- Tên gói thầu: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 3)
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 29.712.243.940 đồng
- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Tùy chọn mua thêm (nếu có): 8.913.673.182 đồng

II. Thông tin về nhà thầu trúng thầu

1. Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Liệu TW2

Mã số thuế : 0103053042

Mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: vn0103053042

Tổng giá dự thầu : **7.568.229.950 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng./.).

Giá trúng thầu: **7.568.229.950 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng./.).

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội

Mã số thuế : 0100109699

Mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: vn0100109699

Tổng giá dự thầu : **3.792.477.340 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng./.).

Giá trúng thầu: **3.792.477.340 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng./.). Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

3. Công Ty TNHH AMV Pharmaceutical

Mã số thuế : 0105993690

Mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: vn0105993690

Tổng giá dự thầu : **535.257.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng./.).

Giá trúng thầu: **510.864.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm mười triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng./.). Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Công Ty Cổ Phần Biovaccine Việt Nam

Mã số thuế : 0101787369

Mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: vn0101787369

Tổng giá dự thầu : **3.076.667.900 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm đồng./.).

Giá trúng thầu: **2.326.862.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng ./.). Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

5. Công Ty Cổ Phần WINBIO

Mã số thuế : 0110764921

Mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: vn0110764921

Tổng giá dự thầu : **768.086.400 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tám triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng./.)

Giá trúng thầu: **768.086.400 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tám triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng./.) Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

6. Công Ty TNHH Dược phẩm Gigamed

Mã số thuế : 0316417470

Mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: vn0316417470

Tổng giá dự thầu : **14.745.724.250 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng./.)

Giá trúng thầu: **14.745.724.250 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng./.)

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

III. Danh mục chi tiết hàng hóa trúng thầu

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm Thông báo này)

IV. Danh sách nhà thầu không lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	Công ty Cổ phần Y tế Thorman	0110053621	PP2600263266	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
2	Công ty Cổ phần Y tế Thorman	0110053621	PP2600263267	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
3	Công ty Cổ phần Y tế Thorman	0110053621	PP2600263271	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
4	Công ty Cổ phần Y tế Thorman	0110053621	PP2600263273	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2

5	Công ty Cổ phần Y tế Thorman	0110053621	PP2600263275	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
6	Công ty Cổ phần Y tế Thorman	0110053621	PP2600263288	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 3
7	Công ty TNHH Vacxin sinh phẩm và Thiết bị y tế Phương Anh	0102325568	PP2600263290	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
8	Công ty TNHH Vacxin sinh phẩm và Thiết bị y tế Phương Anh	0102325568	PP2600263291	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
9	Công ty TNHH Vacxin sinh phẩm và Thiết bị y tế Phương Anh	0102325568	PP2600263293	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 3
10	Công ty Cổ phần Biovaccine Việt Nam	0101787369	PP2600263286	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
11	Công ty Cổ phần Biovaccine Việt Nam	0101787369	PP2600263288	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2
12	Công ty Cổ phần Biovaccine Việt Nam	0101787369	PP2600263290	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 3
13	Công ty Cổ phần Biovaccine Việt Nam	0101787369	PP2600263291	E-HSDT của nhà thầu không đạt về kỹ thuật
14	Công ty Cổ phần Biovaccine Việt Nam	0101787369	PP2600263293	E-HSDT của nhà thầu không đạt về kỹ thuật
15	Công ty TNHH AMV Pharmaceutical	0105993690	PP2600263293	E-HSDT của nhà thầu xếp hạng 2

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng trân trọng thông báo
Tài liệu đính kèm: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TCG; TTĐ
- HĐTĐT; HĐMSVX;
- TCKT; KHNv;
- PCBTN;
- TTGDSK (để đăng trên website CDC);
- Lưu: VT, D-VTYT.

GIÁM ĐỐC

Đồng Trung Kiên

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

Gói thầu Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 3)

S T T	Mã thuốc	Tên Vắc xin	Tên thành phần/ hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Quy cách đóng gói	Nhóm T C K T	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDCL H hoặc GP NK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Tên nhà thầu
1	VX 01	Tetraxim	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 I.U.; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 I.U.; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25 microgam, Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Típ 2 (chủng MEF-1) 8 DU, Típ 3 (chủng Saukett) 32 DU	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 I.U.; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 I.U.; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25 microgam, Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Típ 2 (chủng MEF-1) 8 DU, Típ 3 (chủng Saukett) 32 DU	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm có gắn sẵn kim tiêm, nắp sẵn 1 liều (0,5ml); Hộp 1 bơm tiêm không gắn kim tiêm, nắp sẵn 1 liều (0,5ml), kèm với 02 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm có gắn sẵn kim tiêm, mỗi bơm tiêm nắp sẵn 1 liều (0,5ml)	1	36 tháng	QLVX-826-14 (có Quyết định gia hạn số đăng ký)	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Bơm tiêm	230	439.768	101.146.640	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
2	VX 02	Adacel	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tổ 2 + 3 (FIM) 5mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tổ 2 + 3 (FIM) 5mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 1 liều; Hộp 5 lọ x 1 liều	5	48 tháng	754310 306124	Sanofi Pasteur Limited	Canada	Lọ	80	559.795	44.783.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

3	VX 03	Boostrix	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 2IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 20IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 2IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 20IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn liều 0,5ml và 2 kim tiêm	5	48 tháng	300310 036923	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSS X: Pháp; CSX X: Bỉ	Bơm tiêm	100	598.000	59.800.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
4	VX 04	Hexaxim	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 02 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 20 kim tiêm; Hộp 10 lọ, lọ 1 liều (0,5ml)	5	48 tháng kể từ ngày sản xuất bán thành phẩm cuối	300310 038123	Cơ sở sản xuất: Sanofi Winthrop Industrie; Cơ sở kiểm tra chất lượng bán thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng lọ vắc xin: Sanofi Winthrop Industrie; Cơ sở sản xuất Bán thành phẩm cuối, nạp Bán thành phẩm cuối vào Bơm tiêm hay vào lọ, đóng gói bao bì thứ cấp đối với sản phẩm	Pháp	Bơm tiêm	900	916.650	824.985.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

											đóng trong bơm tiêm hay trong lọ, kiểm tra chất lượng Bán thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng lô vắc xin: Sanofi Winthrop Industrie						
5	VX 05	Infanrix Hexa	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30\text{IU}$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40\text{IU}$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30\text{IU}$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40\text{IU}$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b	Tiêm bắp sâu	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTPa - HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn DTPa- HBV-IPV, 1 lọ bột đông khô Hib và 2 kim tiêm	5	36 tháng	300310 036823	CSSX: GlaxoSmitKline Biologicals ; CSXX: GlaxoSmitKline Biologicals SA	CSS X: Pháp ; CSX X: Bỉ	Liều	1200	945.704	1.134.844.800	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

			10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang													
6	VX 06	Influvac Tetra	A/Darwin/9/2021 (H3N2)- Like strain (A/Darwin/9/2021 ,SAN-010) 15 mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022,IVR-238)15 mcg haemagglutinin,B/Austria/1359417/2021-Like strain (B/Austria/1359417/2021,BVR-26) 15 mcg haemagglutinin B/Phuket/3073/2013- Like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin (hoặc sử dụng chủng tương đương)	Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)- Like strain (A/Darwin/9/2021 ,SAN-010) 15 mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022,IVR-238)15 mcg haemagglutinin,B/Austria/1359417/2021-Like strain (B/Austria/1359417/2021,BVR-26) 15 mcg haemagglutinin B/Phuket/3073/2013- Like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin (hoặc sử dụng chủng tương đương)	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp có 1 xy lanh chứa 0,5ml hỗn dịch	1	12 tháng	870310 304024 (VX3-1228-21)	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp/ Xylanh/ Liều	8500	264.000	2.244.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN BIOVACCINE VIỆT NAM
7	VX 07	Avaxim 80U Pediatric	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml	1	36 tháng	300310 250723	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Bơm tiêm	600	458.144	274.886.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

8	VX 08	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt - Havax	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virut viêm gan A tinh khiết	<100µg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ,* 0,5 ml/lọ	4	24 tháng	893310 108024 (QLVX -1110-18)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Việt Nam	Lọ	200	112.770	22.554.000	CÔNG TY CỔ PHẦN BIOVACCINE VIỆT NAM
9	VX 09	Menquadri	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uốn ván khoảng 55mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uốn ván khoảng 55mcg	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 1 liều 0,5ml	5	48 tháng	001310 047625	Sanofi Pasteur Inc.	Hoa Kỳ	Lọ	900	1.653.750	1.488.375.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
10	VX 10	Prevenar 13	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml thuốc kèm 1 kim tiêm riêng biệt	1	36 tháng	QLVX-H03-1142-19	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals; Cơ sở đóng gói	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ai Len, Cơ sở	Bơm tiêm	300	1.077.300	323.190.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUỢC LIỆU TW2

[illegible]

11	VX 11	Prevenar 20	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn và 1 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn và 10 kim tiêm. (Bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml)	1	24 tháng	539310 047525	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmace uticals; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng lô: Pfizer Manufact uring Belgium NV	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ai Len, Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởn g: Bi	Bơm tiêm	1100	1.400.490	1.540.539.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
----	----------	----------------	---	---	-------------	---------------------	---	---	-------------	------------------	---	--	-------------	------	-----------	---------------	---

			mcg; Huyết thanh túyp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	mcg; Huyết thanh túyp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh túyp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)													
12	VX 12	Vaxneuva nce	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2 mcg polysaccharid phé cầu của các tít huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4 mcg tít huyết thanh 6B, cộng hợp với	0,5ml	Tiêm bấp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đơn liều đóng sẵn 0,5ml vắc xin kèm 2 kim tiêm riêng biệt	5	36 tháng	539310 049125	MSD Internatio nal GmbH T/A MSD Ireland (Carlow) (CSĐG thứ cấp & xuất xưởng:	Irelan d	Bơm tiêm	1100	1.400.000	1.540.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGA MED

			protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat								Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan)						
13	VX 13	Gardasil 9	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5 mL vắc xin và 2 kim tiêm	5	36 tháng	001310 178700	CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG cấp 2 & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan)	Hoa Kỳ	Bơm tiêm	4500	2.726.850	12.270.825.000	CÔNG TY TNHH DU'ỢC PHẨM GIGA MED
14	VX 14	Varivax	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU/lọ	>=1350PFU/lọ	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Hộp 1 lọ bột đơn liều kèm 1 lọ dung môi	5	24 tháng	001310 037823	CSSX & ĐG sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG thứ cấp & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan; CSSX dung môi: Jubilant HollisterS tier LLC.- Mỹ)	Mỹ	Lọ	700	915.805	641.063.500	CÔNG TY TNHH DU'ỢC PHẨM GIGA MED
15	VX 15	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 10 ^{3,3} PFU	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 10 ^{3,3} PFU	Tiêm dưới da	Bột đông khô và dung	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đóng sẵn dung	5	24 tháng	001310 177800	CSSX vắc xin: Corixa Corporati	CSS X vắc xin: Hoa	Lọ	900	836.164	752.547.600	CÔNG TY TNHH MỘT

						dịch pha tiêm	môi hoàn nguyên (0,5ml) và 2 kim tiêm				on dba GlaxoSmi thKline Vaccines ; CSSX bơm tiêm đóng sẵn dung môi hoàn nguyên: 1. Catalent Belgium SA ; 2. Aspen Notre Dame de Bondevill e ; CS đóng gói: GlaxoSmi thKline Biologica ls S.A ; CSXX: GlaxoSmi thKline Biologica ls S.A	Kỳ ; CSS X bơm tiêm đóng sẵn dung môi hoàn nguyên: 1. Bi ; 2. Pháp ; CS đóng gói: Bi ; CSX X: Bi						THÂN H VIÊN DUỐC LIỆU TW2
16	VX 16	Barycela inj.	Mỗi 0,5ml vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực (Chủng: MAV/06, dòng tế bào: MRC-5)	Mỗi 0,5ml vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực (Chủng: MAV/06, dòng tế bào: MRC-5) ≥ 3.800 PFU	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 lọ dung môi 0,7ml; Hộp 10 lọ bột đông khô pha tiêm + 10 lọ dung môi 0,7ml	2	24 tháng	880310 322325	GC Biopharm a Corp.	Hàn Quốc	Lọ	50	756.000	37.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN WINBI O	
17	VX 17	M-M-R II	Liều 0,5ml chứa: - Vi rút Sởi ≥ 1.000 CCID50;- Vi rút Quai bị ≥12.500 CCID50;- Vi rút Rubella ≥1.000 CCID50;	0,5ml	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ đơn liều vắc xin đông khô và 5 lọ dung môi	5	24 tháng	001310 197925	CSSX & ĐG cấp 1 vắc xin: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG cấp 2 & xuất	Hoa Kỳ	Lọ	750	391.781	293.835.750	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM GIGA MED	

											xương: Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan; CSSX & ĐG cấp 1 dung môi: Jubilant HollisterS tier LLC.- Hoa Kỳ)						
18	VX 18	Priorix	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	$\geq 103,0$ CCID50; $\geq 103,7$ CCID50; $\geq 103,0$ CCID50	Tiêm dưới da hoặc tiêm bắp	Bột vắc xin đông khô	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đóng sẵn dung môi (nước cất pha tiêm) x 0,5ml và 2 kim tiêm	5	24 tháng	VX-1225-21	* CSSX vắc xin (tạo công thức, đóng ống, đông khô): FIDIA Farmaceutici S.p.a; * CSĐG thành phẩm (Vắc xin và nước pha tiêm): GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở sản xuất nước pha tiêm: - Aspen Notre-Dame de	* CSS X vắc xin (tạo công thức, đóng ống, đông khô): Ý; * CSĐG thành phẩm (Vắc xin và nước pha tiêm): Bi; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: Bi; * CSS X nước pha	Lọ	1300	270.000	351.000.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

											Bondeville - Catalent Belgium SA - GlaxoSmithKline Biologicals S.A.	tiêm: Pháp - Bỉ - Bỉ					
19	VX 19	Imojev	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Bột đông khô	Hộp 1 lọ chứa 1 liều vắc xin bột đông khô và 1 lọ dung môi chứa 0,5ml dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn kèm 1 bơm tiêm và 2 kim tiêm	5	48 tháng	885310306024	Global Biotech Products Co. Ltd	Thái Lan	Lọ	1050	695.218	729.978.900	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
20	VX 20	Qdenga	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Tiêm dưới da	Bột pha tiêm	Mỗi lọ bột chứa 1 liều vắc xin. Hộp 1 lọ bột và 1 xylanh bơm sẵn dung môi và 2 kim tiêm	5	18 tháng	400310303924	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: IDT Biologika GmbH; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Takeda GmbH; Cơ sở sản xuất dung môi dạng ống tiêm đóng sẵn: 1. Catalent Belgium S.A.; 2. Baxter Pharmaceutical	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Đức; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Đức; Cơ sở sản xuất dung môi dạng ống tiêm	Liều	1000	960.336	960.336.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

											Solutions LLC	đóng sẵn: 1. Bỉ; 2. Hoa Kỳ					
21	VX 21	Shingrix	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được hỗ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được hỗ trợ với AS01B	Tiêm bắp	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster và 1 lọ chứa 0,5ml hỗn dịch chất hỗ trợ AS01B	5	36 tháng	540310 303224	CSSX kháng nguyên gE, SX và đóng gói cấp 1 chất hỗ trợ AS01B: GlaxoSmithKline Biologicals SA; CS đóng gói cấp 1 kháng nguyên gE: GlaxoSmithKline Biologicals; CS đóng gói cấp 2: GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSS X kháng nguyên gE, SX và đóng gói cấp 1 chất hỗ trợ AS01B: Bỉ; CS đóng gói cấp 1 kháng nguyên gE: Pháp; CS đóng gói cấp 2: Ý; CSX X: Bỉ	Hộp	250	3.395.385	848.846.250	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
22	VX 22	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	10mcg/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 0,5ml	5	36 tháng	850310 304224 (QLVX -0748-13)	Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN)	CuBa	Lọ	50	55.965	2.798.250	CÔNG TY TNHH AMV PHARMACEUTICAL

23	VX 23	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	20mcg/1ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 1ml	5	36 tháng	850310304424 (QLVX-0624-13)	Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN)	CuBa	Lọ	800	79.905	63.924.000	CÔNG TY TNHH AMV PHARMACEUTICAL
24	VX 24	Twinrix	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều vắc xin (1 ml) và 1 kim tiêm	5	36 tháng	400310177900	CSSX dạng bào chế và đóng gói sơ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co. KG ; CS đóng gói thứ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.	CSS X dạng bào chế & CS đóng gói sơ cấp: Đức ; CS đóng gói thứ cấp & CS xuất xứ: Bỉ	Liều	200	510.922	102.184.400	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
25	VX 25	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene - HBvax	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết $\approx 20\mu\text{g}/1\text{ml}$	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 1ml	4	36 tháng	893310036523 (QLVX-1044-17)	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1	Việt Nam	Lọ	200	80.640	16.128.000	CÔNG TY CỔ PHẦN WINBI O
26	VX 26	Vắc xin uốn ván bạch hầu hấp phụ (Td)	Giải độc tố uốn ván tinh chế; Giải độc tố bạch hầu tinh chế	Ít nhất 20 đvqt giải độc tố uốn ván tinh chế; ít nhất 2 đvqt giải độc tố bạch hầu tinh chế/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 20 ống, mỗi ống chứa 0,5ml -1 liều	4	30 tháng	QLVX-943-16	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	150	31.445	4.716.750	CÔNG TY TNHH AMV PHARMACE

																	UTICAL
27	VX 27	VA-MENGO C-BC	Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B - 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C: 50µg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B - 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C: 50µg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 0,5ml	5	36 tháng	850310 110724 (QLVX -H02-985-16)	Cơ sở sản xuất: Instituto Finlay de Vacunas; Cơ sở đóng ống, đóng gói: National Center for Biopreparados, Bejucal	Cu Ba	Lọ	1400	204.939	286.914.600	CÔNG TY CỔ PHẦN WINBI O
28	VX 28	Bexsero	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm	5	48 tháng	800310 090123	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l	Ý	Hộp	500	1.529.926	764.963.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
29	VX 29	IVACRIG (Huyết thanh kháng đại tinh thể)	Kháng thể kháng vi rút dại	Kháng thể kháng vi rút dại 1000 IU/lọ 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 1000 IU/lọ 5ml; Hộp 6 lọ x 1000 IU/lọ 5ml	4	24 tháng	893410 324025 (QLSP-0778-14)	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Lọ	900	430.186	387.167.400	CÔNG TY CỔ PHẦN WINBI O

30	VX 30	Huyết thanh kháng độc tổ uốn ván tinh chế (SAT)	Globulin kháng độc tổ uốn ván	Globulin kháng độc tổ uốn ván 1500 đvqt	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	4	24 tháng, kể từ ngày cơ sở sản xuất thực hiện thử nghiệ m công hiệu cho kết quả có giá trị	893410 250823 (QLSP- 1037- 17)	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ổng	450	34.852	15.683.400	CÔNG TY CỔ PHẦN WINBI O
31	VX 31	Typhim Vi	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn Salmonella typhi (chủng Ty2) 25mcg	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn Salmonella typhi (chủng Ty2) 25mcg	Tiêm bấp hay tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc xin 0,5 ml	1	36 tháng	300310 647324	Cơ sở sản xuất: Sanofi Winthrop Industrie; Cơ sở đóng ống bán thành phẩm cuối và kiểm tra test vô trùng thành phẩm đóng ống: Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Bơm tiêm	300	174.379	52.313.700	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM THIỆT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
32	VX 32	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	Giải độc tổ uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 20 ống (0,5ml/ống chứa 01 liều vắc xin)	4	36 tháng	893310 323125 (QLVX -881- 15)	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ổng	1500	16.262	24.393.000	CÔNG TY CỔ PHẦN WINBI O
33	VX 33	Vắc xin Tả uống - mORCVA X	V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U. LPS;	Mỗi liều 1.5 ml chứa: V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 10 lọ* 1,5 ml	4	24 tháng	893310 441425 (QLVX -825- 14)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và	Việt Nam	Lọ	800	75.385	60.308.000	CÔNG TY CỔ PHẦN BIOVA CCINE

			V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS; V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	formaldehyde) 600E.U. LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS; V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS						Sinh phẩm số 1							VIỆT NAM
34	VX 34	INDIRAB	Virus dại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	$\geq 2,5$ IU/0,5ml	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô đơn liều, 1 ống dung môi hoàn nguyên NaCl 1,5mg/0,5ml và 1 xy lanh vô trùng	5	36 tháng	890310 249723 (QLVX -1042-17)	Bharat Biotech International Limited	Ấn Độ	Lọ	2500	175.770	439.425.000	CÔNG TY TNHH AMV PHARMACEUTICAL
35	VX 35	Verorab Vắc xin dại (bất hoạt), điều chế trên canh cấy tế bào	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	3.25 IU/0.5ml/liều	Tiêm bắp, tiêm trong da	Vắc xin bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%; Hộp 10 lọ, mỗi lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 10 bơm tiêm, mỗi bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%	1	36 tháng	300310 305824	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Lọ	3300	284.390	938.487.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

36	VX 36	Vaxigrip	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Victoria/4897/2 022 (H1N1) pdm09- sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/ 2022, IVR-238) 15mcg HA; A/Croatia/10136 RV/2023 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Croatia/1013 6RV/2023, X- 425A) 15mcg HA; B/Austria/13594 17/2021- sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2 021, chủng hoang dã) 15mcg HA	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Victoria/4897/2 022 (H1N1) pdm09- sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/ 2022, IVR-238) 15mcg HA; A/Croatia/10136 RV/2023 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Croatia/1013 6RV/2023, X- 425A) 15mcg HA; B/Austria/13594 17/2021- sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2 021, chủng hoang dã) 15mcg HA	Tiêm bắt/Tiê m dưới da	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm, bơm tiêm nạp sẵn 0,5 ml vắc-xin	1	12 tháng	300310 033526	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Bơm tiêm	250	270.000	67.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỠC PHẨM THIỆT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
Tổng cộng Đã bao gồm thuế VAT (đồng)																29.712.243.940	